

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA
(Từ ngày 16 đến 30/9/2024)

1.1. Miền núi phía Bắc

| |
|--|
| a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 250-400mm; riêng Hòa Bình 450-600mm, có nơi cao hơn. |
| - Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng, sông Lô tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 113%, trên sông Lô tại Tuyên Quang cao hơn 423%. |
| b. Dự báo, cảnh báo |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 80-150mm, có nơi cao hơn 200mm. |
| - Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 19%, trên sông Lô tại Tuyên Quang xấp xỉ TBNN. |

1.2. Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

| |
|---|
| a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua |
| - Tổng lượng mưa: Lượng mưa phổ biến từ 300-450mm, có nơi cao hơn: Cô Tô (Quảng Ninh) 506mm, Hòn Dấu (Hải Phòng) 601mm, Hà Đông 564mm. |
| - Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình thấp hơn 45,3% so với 15 ngày qua; Tổng lượng dòng chảy đến cao hơn TBNN 34%. + Trên sông Cầu đã xuất hiện một đợt lũ lịch sử, lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tăng mạnh và tổng lượng cao hơn 592% so với TBNN. Trên sông Lục Nam cũng đã xuất hiện lũ với đỉnh lũ tại Chũ đứng thứ 2 trong lịch sử, lưu lượng dòng chảy tại Chũ tăng mạnh so với kì trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ cao hơn TBNN cùng kỳ là 731%. + Hạ lưu hệ thống sông Hồng tại Hà Nội xảy ra đợt lũ lớn, mực nước lên nhanh và đạt đỉnh 11,30m (2h/12/9) dưới BĐ3 là 0,20m, hiện đang xuống nhanh do lũ các sông thượng lưu xuống và chịu ảnh hưởng điều tiết các hồ chứa thủy điện tuyến trên (hiện Hòa Bình không mở cửa xả đáy, hồ Tuyên Quang mở 01 cửa xả đáy và hồ Thác Bà mở 02 cửa xả mặt). Tổng lượng dòng chảy trên sông |

| |
|--|
| Hồng tại Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 177%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i> |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi trên 250mm. |
| - Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình thấp hơn TBNN 38% + Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam có xu thế giảm so với kì trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng cao hơn TBNN cùng kì là 215% và sông Lục Nam tại Chũ cao hơn 103%. + Mức nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội sẽ tiếp tục xuống. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ giảm tuy nhiên vẫn ở mức cao so với TBNN. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 80%. |

1.3. Bắc Trung Bộ

| |
|--|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i> |
| - Tổng lượng mưa: có sự phân bố không đồng đều phổ biến 150-250mm, riêng Thanh Hoá từ 250-400mm. |
| - Tổng lượng dòng chảy: Trong nửa đầu tháng 9, trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuất hiện 1-2 đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với nửa cuối tháng 8, các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 165%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 45%, sông Ngàn Sâu tại Hoà Duyệt thấp hơn 78%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn 87%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i> |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi cao hơn. |
| - Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với nửa đầu tháng 9, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 18%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 32%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn 58% sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn 51%. |

1.4. Trung Trung Bộ

| |
|---|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i> |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-70mm, riêng tại Quảng Ngãi: 170-200mm, Trà My (Quảng Nam) 277mm. |
| - Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi đã xuất hiện 1-2 đợt dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 45%; sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 6%; sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 30%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i> |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn |
| - Tổng lượng dòng chảy: Trên các sông khả năng xuất hiện 1-2 đợt dao động, dòng chảy tăng cao hơn so với 15 ngày trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch và sông Trà Khúc cao hơn TBNN cùng kỳ từ 13-34%, sông Thu Bồn thấp hơn 14%. |

1.5. Nam Trung Bộ

| |
|---|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i> |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-90mm, có nơi cao hơn. |
| - Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 4% so với TBNN, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 15%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 2%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 60%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 67% so với TBNN. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i> |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn. |
| - Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba thấp hơn 26% so với TBNN, sông Cái Nha Trang ở mức thấp hơn 11% so với TBNN cùng kỳ. |

1.6. Tây Nguyên

| |
|--|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i> |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 120-220mm, có nơi cao hơn như Pleicu (Gia Lai) 284mm, Yaly (Kon Tum) 232mm. |

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trung bình các sông trên khu vực dao động ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 86%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn cao hơn 31%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 120-220mm, có nơi cao hơn 250mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trung bình các sông trên khu vực dao động theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 87%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 16%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-250mm, riêng Phước Long (Bình Phước): 335mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế lên dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-250mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long sẽ tăng nhanh. Trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN 20%, trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức cao hơn TBNN 10%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/10/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/09/2024

| Sông | Trạm | Thực đo trong 15 ngày qua (mm) | So sánh với TBNN (%) | Dự báo trong 15 ngày tới (mm) | So sánh với TBNN (%) |
|----------------------|-------------|--------------------------------|----------------------|-------------------------------|----------------------|
| Đà | Hồ Hòa Bình | 560 | 155 | 120-200 | xấp xỉ |
| Thao | Yên Bái | 346 | 68 | 150-230 | >10-20 |
| Lô | Tuyên Quang | 284 | 54 | 120-200 | >10-20 |
| Hồng | Hà Nội | 292 | 43 | 130-220 | >10-20 |
| Cầu | Gia Bảy | 478 | 161 | 100-180 | xấp xỉ |
| Lục Nam | Chũ | 188 | 25 | 100-170 | xấp xỉ |
| Mã | Cắm Thủy | 317 | 77 | 100-180 | <10-20 |
| Cả | Yên Thượng | 331 | 169 | 50-100 | <15-30 |
| La | Hòa Duyệt | 167 | 40 | 80-150 | <10-20 |
| Tả Trạch | Thượng Nhật | 219 | 142 | 50-100 | <15-30 |
| Thu Bồn | Nông Sơn | 101 | 14 | 50-90 | <15-30 |
| Trà Khúc | Sơn Giang | 65 | -7 | 40-80 | <15-30 |
| Ba | Củng Sơn | 16 | -44 | 15-25 | <20-40 |
| Cái Nha Trang | Đồng Trăng | 31 | 26 | 15-25 | <20-40 |
| ĐăkBlá | KonTum | 286 | 44 | 120-200 | xấp xỉ |
| Srêpôk | Giang Sơn | 244 | 96 | 120-200 | xấp xỉ |
| Tiền | Tân Châu | 110 | 49 | 50-80 | xấp xỉ |
| Hậu | Châu Đốc | 110 | 49 | 50-80 | xấp xỉ |

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 16 đến ngày 30/09/2024

Đơn vị: 10⁶ m³

| Sông | Trạm | Yếu tố đo | Thực đo | So sánh TBNN | Dự báo | So sánh TBNN |
|---------|-------------|-----------|---------|--------------|--------|--------------|
| Đà | Hồ Hòa Bình | W | 4384 | > 34% | 3628 | > 38% |
| Thao | Yên Bái | W | 3239 | > 113% | 1600 | > 19% |
| Lô | Tuyên Quang | W | 7412 | > 423% | 2398 | ~TBNN |
| Cầu | Gia Bảy | W | 1040 | > 592% | 416 | > 215% |
| Lục Nam | Chũ | W | 826 | > 731% | 316 | > 103% |
| Hồng | Hà Nội | W | 11737 | > 177% | 6415 | > 80% |

| Sông | Trạm | Yếu tố đo | Thực đo | So sánh TBNN | Dự báo | So sánh TBNN |
|----------|-------------|-----------|---------|--------------|--------|--------------|
| Mã | Cắm Thủy | W | 2482 | > 165% | 1024 | > 18% |
| Cả | Yên Thượng | W | 715 | < 45% | 1037 | < 32% |
| La | Hòa Duyệt | W | 45.0 | < 78% | 143 | < 58% |
| Tả Trạch | Thượng Nhật | W | 27.3 | > 45% | 36.5 | > 34% |
| Thu Bồn | Nông Sơn | W | 183 | < 6% | 251 | < 14% |
| Trà Khúc | Sơn Giang | W | 187 | > 30% | 240 | > 13% |
| Ba | Củng Sơn | W | 291 | < 15% | 415 | < 26% |
| Cái N,T | Đông Trăng | W | 46.8 | > 2% | 54.4 | < 11% |
| ĐăkBlá | KonTum | W | 26.0 | < 86% | 30.5 | < 87% |
| Srêpôk | Giang Sơn | W | 175.5 | > 31% | 187.9 | > 16% |
| Tiền | Tân Châu | W | | | 32038 | > 20% |
| Hậu | Châu Đốc | W | | | 6998 | > 10% |